

SỞ Y TẾ HUNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/QĐ-ATTP

Hung Yên, ngày 07 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Biên bản số 16/BB-ATTP ngày 05/4/2022 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên về việc thẩm định, soát xét, đánh giá hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm đối với 14 sản phẩm thực phẩm của Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic. Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm kèm theo).

Điều 2. Văn Phòng có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ sở thực phẩm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Mạnh Hùng

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 07 tháng 4 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 95/2022/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC.

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets.

Do Công ty cổ phần tập đoàn MEDILIFE Việt Nam. Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”; QCVN 8-3:2012/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 53-Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets/2022-TCSX-Bio Organic.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Website: antoanthucphamhungyen.vn;
- Lưu trữ: VP./.



Đỗ Mạnh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 27- Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

E-mail :

Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK. Ngày cấp:

01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets (Dinh dưỡng cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường)

2. Thành phần:

Sữa bột béo, đạm whey cô đặc (10,6g/100g), đường Isomal, Sữa non (5000mcg/100g), Chất xơ hòa tan, Beta-glucan, Đông trùng hạ thảo, Go2KA1, Bột yến sào, Lysine, Taurine. Các Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B12, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B8, Axit Folic, Biotin. Khoáng chất (Canxi Nano (300mg/100g), Canxi Aquamin F (32%) (32mg/100g), Magnesi Phosphat, Sắt Sulphate, Kẽm Sulphate, Mangan sulphate, Kali iodua, Clorid, Natri Selenit). Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	437,06 ± 30%
Đạm whey cô đặc	g/100g	10,6 ± 30%
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	42,4 ± 30%
Hydrat cacbon	g/100g	63,34 ± 30%
Năng lượng từ Hydrat cacbon	Kcal/100g	253,36 ± 30%
Chất béo	g/100g	15,7 ± 30%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	141,3 ± 30%
Chất xơ hoà tan (FOS)	g/100g	1,15 ± 30%
Isomalt	g/100g	5,1 ± 30%
Lysine	mg/100g	500 ± 30%
Beta - glucan	mg/100g	19 ± 30%
Sữa non	mcg/100g	5000 ± 30%
Đông trùng hạ thảo	mcg/100g	300 ± 30%
Go2KA1	mcg/100g	200 ± 30%
Bột yến sào	mcg/100g	100 ± 30%
Taurine	mg/100g	27 ± 30%
Vitamin A	IU/100g	990 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	180 ± 30%
Vitamin E	IU/100g	20 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	26 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	220 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	330 ± 30%
Vitamin B5	mcg/100g	1450 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	330 ± 30%
Vitamin B8 (Inositol)	mg/100g	25 ± 30%
Vitamin B12	mcg/100g	0,8 ± 30%
Vitamin B3	mg/100g	4,5 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	130 ± 30%
Biotin	mcg/100g	13 ± 30%
Canxi Nano	mg/100g	300 ± 30%
Canxi Aquamin F (32%)	mg/100g	32 ± 30%
Photpho	mg/100g	290 ± 30%
Magie	mg/100g	48 ± 30%
Sắt	mg/100g	5,9 ± 30%
Kẽm	mg/100g	3,2 ± 30%

108
 CÔNG
 CỔ
 NH
 Y
 100
 HI -

Y
 II C
 AN V
 UC P
 HU

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Mangan	mcg/100g	4,75 ± 30%
Selen	mcg/100g	17 ± 30%
Natri	mg/100g	180 ± 30%
Kali	mg/100g	390 ± 30%
Clorid	mg/100g	220 ± 30%
I-ốt	mcg/100g	82 ± 30%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5.1. Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp;

5.2. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy trắng bạc, thi nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM.**

- Địa điểm: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, tỉnh Hải Dương, Tp Hải Dương

- Điện thoại: 0981.886.555 Fax:.....

- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 120/2019/ATTP-ĐKCN

- Ngày cấp/Nơi cấp: 31/10/2019; Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hải Dương.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic sản xuất, kinh doanh **Sản phẩm dinh dưỡng Gercena By AMM Germany Go2KA1** (Dinh dưỡng cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường) đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.

176
G T
HÀ
DUC
HOC
RGA
T. H
T E
IC
SINH
HÀM
LO T E

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm số: 53 – Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets/2022-TCSX- Bio Organic.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

BẢN TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT

Số: 53 – Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets/2022-TCSX- Bio Organic.

1. Sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets
(Dinh dưỡng cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường)

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng sữa đến màu vàng nhạt đặc trưng sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	437,06 ± 30%
Đạm whey cô đặc	g/100g	10,6 ± 30%
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	42,4 ± 30%
Hydrat cacbon	g/100g	63,34 ± 30%
Năng lượng từ Hydrat cacbon	Kcal/100g	253,36 ± 30%
Chất béo	g/100g	15,7 ± 30%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	141,3 ± 30%
Chất xơ hoà tan (FOS)	g/100g	1,15 ± 30%
Isomalt	g/100g	5,1 ± 30%
Lysine	mg/100g	500 ± 30%
Beta - glucan	mg/100g	19 ± 30%
Sữa non	mcg/100g	5000 ± 30%
Đồng trùng hạ thảo	mcg/100g	300 ± 30%
Go2KA1	mcg/100g	200 ± 30%
Bột yến sào	mcg/100g	100 ± 30%
Taurine	mg/100g	27 ± 30%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Vitamin A	IU/100g	990 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	180 ± 30%
Vitamin E	IU/100g	20 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	26 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	220 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	330 ± 30%
Vitamin B5	mcg/100g	1450 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	330 ± 30%
Vitamin B8 (Inositol)	mg/100g	25 ± 30%
Vitamin B12	mcg/100g	0,8 ± 30%
Vitamin B3	mg/100g	4,5 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	130 ± 30%
Biotin	mcg/100g	13 ± 30%
Canxi Nano	mg/100g	300 ± 30%
Canxi Aquamin F (32%)	mg/100g	32 ± 30%
Photpho	mg/100g	290 ± 30%
Magie	mg/100g	48 ± 30%
Sắt	mg/100g	5,9 ± 30%
Kẽm	mg/100g	3,2 ± 30%
Mangan	mcg/100g	4,75 ± 30%
Selen	mcg/100g	17 ± 30%
Natri	mg/100g	180 ± 30%
Kali	mg/100g	390 ± 30%
Clorid	mg/100g	220 ± 30%
I-ốt	mcg/100g	82 ± 30%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Chỉ tiêu an toàn

4.1. Giới hạn về ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm

Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: QĐ về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm”

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Coliforms	CFU/g	10
3	B.cereus	CFU/g	10^2
4	E.Coli	CFU/g	Không có (hoặc < 3MNP)
5	S.aureus	CFU/g	10
6	Salmonella.spp	/25g	Không có

4.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Thiếc (Sn)	mg/kg	250
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
5	Arsen (As)	mg/kg	0.5

4.3. Giới hạn về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn về độc tố vi nấm trong thực phẩm (Theo nhóm thức ăn công thức/ Thức ăn dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi)

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Aflatoxin M1	$\mu\text{g}/\text{kg}$	0.025
2	Patuli	$\mu\text{g}/\text{kg}$	10
3	Fumonisin	$\mu\text{g}/\text{kg}$	200
4	Aflatoxin B1	$\mu\text{g}/\text{kg}$	0.1
5	Deoxynivalenol	$\mu\text{g}/\text{kg}$	200

6	Zearalenone	µg/kg	20
7	Ochratoxin A	µg/kg	0.5

4.4. Giới hạn về Melamin

Theo 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	2.5

4.5. Các tiêu chí khác

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với quy định dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2013 của Bộ Y tế.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với quy định giới hạn dư lượng thuốc tối đa bảo vệ thực vật trên thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

5. Hướng dẫn sử dụng:

Công dụng:

- Thay thế bữa ăn phụ.
- Tốt cho người bị tiểu đường, tiền đái tháo đường.
- Giúp xương chắc khỏe, phòng ngừa nguy cơ loãng xương.
- Giúp phục hồi sau phẫu thuật.
- Bổ sung Đông trùng hạ thảo tốt cho hệ tim mạch.
- Giúp tăng cường thể lực, ăn tốt ngủ tốt
- Bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng, giúp duy trì sức khỏe tổng thể.

Đối tượng sử dụng:

Sản phẩm dinh dưỡng dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên, người đái tháo đường, tiền đái tháo đường.

821-
TY
AN
ONG
C
INIC
UNG

TE
SINH
AM
Y VEN

Cách pha:

Một muỗng gạt ngang (tương đương 9.8gram) pha với 50ml nước

1. Pha ở nơi sạch sẽ. Rửa tay và dụng cụ pha thật sạch sẽ, đun sôi dụng cụ pha trong vòng 5 phút.
2. Đun sôi nước sạch trong 5 phút, để nguội dần xuống 40 độ C trước khi pha.
3. Pha theo bảng hướng dẫn và sử dụng muỗng lường có sẵn trong lon.
4. Đậy nắp, lắc đều dụng cụ để tan hoàn toàn. Để nguội đến nhiệt độ thích hợp rồi sử dụng.

Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần/ngày
4	200	4

Thận trọng: pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

6. Hướng dẫn sử dụng:

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

7. Thời hạn sử dụng; 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

8. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

8.1 Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy tráng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

8.2 Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp

Hưng Yên, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Anh Phương



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Tên tổ chức/ Head Office: 65 Phạm Thuận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: kmn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 6409/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng Gercena By AMM Germany Go2KA1 Diabets (Dùng cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường)
2. Mã số mẫu: 03221777/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 100 g/túi.
Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 16/03/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 16/03/2022 - 24/03/2022
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC
Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/g	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 10)
9.2*	<i>B.cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10)
9.3*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1)
9.4*	Coliform	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1)
9.5*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.6*	<i>Enterobacter sakazakii</i>	/25g	ISO 22964:2017	KPH
9.7*	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	ISO 21528-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.8*	<i>S.aureus</i>	CFU/g	FDA-BAM CHAPTER 12:2019	KPH (LOD: 10)
9.9*	<i>Salmonella</i>	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.10*	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 10)
9.11*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	8,0 x 10 ¹
9.12*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007)
9.13*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.14*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.15*	Hàm lượng Thiếc	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,030)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không khiếu kiện nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thuận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Công Cầu Lái, số 1293B Nguyễn Thị Định, P. Cầu Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001063 Email: knm@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.16*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.17	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.18*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
9.19	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 60)
9.20	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 30)
9.21*	Hàm lượng Melamin	mg/kg	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,05)
9.22	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.23	Hàm lượng Patulin	µg/kg	NIFC.04.M.035 (HPLC)	KPH (LOD: 10)
9.24	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 3)

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA ĐBCL



* TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATYSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written at customer's request
4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unusable or out of storage time.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN SẠO

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN
CHỨNG NHẬN**

Tên cơ sở: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic
Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0389948784

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Sản xuất kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,
sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em đến 36 tháng tuổi

Hưng Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG



17-12-2021

PHÓ CHỦ TỊCH

Số cấp: 63/2024/ATTP-CNDK
Có hiệu lực đến ngày 01 tháng 1 năm 2024. Phạm Thị Thu Hương

Số: 4369... Quyển... 01... TPX/SC/2021

Đỗ Mạnh Hùng

